

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

G Ngày: 16-12-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đồi và bà Dương Thị Bình.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lã Phú Huy - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Dương.

Trong ngày 16/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2024/TLST- HNGĐ ngày 07/10/2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1 62/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/12/2024; giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1985; địa chỉ: K V, tổ A, phường A, quận S, TP .. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Đông Văn T1**, sinh năm 1979; địa chỉ: K V, tổ A, phường A, quận S, TP .. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 01/10/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông T1 đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ A, phường A, quận S, TP .. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, gây mất hòa khí trong gia đình, ảnh hưởng đến hàng xóm láng giềng. Đến tháng 10/2022 thì ông T1 về ở với cha mẹ ruột của ông T1 tại K V, tổ A, phường A, quận S, TP .. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay về tình cảm, tôi xác định không còn yêu thương ông T1 nữa, nên xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông T1.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông T1 có 02 con chung: Đồng Viết T2, sinh ngày 26/08/2012 và Đồng Phúc H, sinh ngày 30/09/2017. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông T1 không có.

*\* Bị đơn ông Đồng Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông T1 trong hồ sơ vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.*

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn - bà T: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn - ông T1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình cho bà T được ly hôn ông T1.

+ Về con chung: Giao hai con chung Đồng Viết T2, sinh ngày 26/08/2012 và Đồng Phúc H, sinh ngày 30/09/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T1 không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đồng Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Đồng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đồng Văn T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T trình bày là do ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, gây mất hòa khí trong gia đình, ảnh hưởng đến hàng xóm láng giềng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 06/11/2024, thể hiện vợ chồng bà T có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Còn ông T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến, ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên cần vận dụng khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xử lý là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Đồng Viết T2, sinh ngày 26/08/2012 và Đồng Phúc H, sinh ngày 30/09/2017. HĐXX xét thấy, khi quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, tại các bản tự khai cháu T2 và cháu H đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì ở với mẹ điều kiện đi học dễ dàng hơn. Mặc khác, từ khi bà T và ông T1 ly thân nhau, bà T luôn là người trực tiếp chăm sóc các con, nên việc giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông T1 không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định giữa bà và ông T1 không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” của bà Nguyễn Thị Tuyết T đối với ông Đồng Văn T1. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn ông Đồng Văn T1.

*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của của bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn ông Đồng Văn T1 nên giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01 do UBND do UBND phường A, quận S cấp ngày 17/3/2010 không còn giá trị pháp lý.*

2. Về con chung: Giao 02 con chung Đồng Viết T2, sinh ngày 26/08/2012 và Đồng Phúc H, sinh ngày 30/09/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông T1 không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định giữa bà và ông T1 không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002893 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Đông Thanh**



